|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 25: Luyện tập**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

1. **Kiến thức:**

Học sinh làm thành thạo các bài toán cơ bản về đại lượng tỉ lệ thuận và chia tỉ lệ.

1. **Kỹ năng:**

**-** Học sinh sử dụng thành thạo các tính chất của dãy tỉ số bằng nhau để giải bài toán.

- Nhận biết được hai đại lượng có tỉ lệ thuận với nhau không.

**3. Thái độ:**

Thông qua giờ luyện tập học sinh được biết thêm về nhiều bài toán liên quan đến thực tế.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( 5 phút)**  ***Mục tiêu:*** Nhớ lại các tính chất về hai đại lượng tỉ lệ thuận để giải bài toán.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận. | | |
| - GV treo bảng phụ bài 6 (SGK)  - Gọi HS đọc đề  - Khối lượng và chiều dài của cuộn dây có mối liên hệ với nhau như thế nào?  - Từ đó ta có công thức nào?  - Gọi HS lên bảng trình bày  - Cho HS nhận xét đánh giá  - GV chú ý cho HS: Đổi các đại lượng về cùng một đơn vị. | - HS quan sát, tìm hiểu đề bài  - HS đọc đề bài  - Khối lượng và chiều dài của cuộn dây là hai đại lượng tỉ lệ thuận  -  - HS lên bảng làm | **Bài 6 (SGK)** |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức. (10 phút)**  ***Mục tiêu***: Biết cách giải bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp. | | |
| Y/c HS làm việc cá nhân, làm bài toán 2 (trang 55).   * GV: Số đo các góc của tam giác tỉ lệ với các số 1; 2; 3 ta có điều gì? * GV: Ta còn mối liên hệ nào về số đo các góc của một tam giác? * GV: Hãy vận dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau để làm bài toán trên. * Gọi HS lên bảng thực hiện * Dưới lớp làm xong đổi vở kiểm tra theo cặp đôi (hoặc vòng tròn) báo cáo nhóm trưởng Báo cáo giáo viên * GV nhận xét   GV đưa ra chú ý: Bài toán 2 còn được gọi là bài toán chia một số thành những phần tỉ lệ thuận với các số cho trước. | - Cá nhân HS tự đọc thông tin và ghi bài vào vở.   * Số đo các góc tỉ lệ với các số 1; 2; 3 nên ta có:      * Tổng số đo các góc của một tam giác bằng      * HS làm vào vở * HS lên bảng giải bài toán * Dưới lớp làm xong đổi vở kiểm tra theo cặp đôi (hoặc vòng tròn) báo cáo nhóm trưởng Báo cáo giáo viên * HS lắng nghe | **Bài toán 2:**  Ta có:  và  Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau, ta có |
| **C. Hoạt động luyện tập ( 20 phút)**  ***Mục tiêu***: Biết giải thêm nhiều bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch liên quan đến thực tế  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp. | | |
| - GV gọi HS đọc đề bài  - GV:Yêu cầu HS tóm tắt bài toán  - GV:Nếu gọi x,y,z lần lượt là số cây mà mỗi lớp phải trồng theo bài toán ta có điều gì?  - GV:Áp dụng kiến thức nào để giải bài toán trên?  - GV gọi HS lên bảng trình bày.  - GV cho HS nhận xét bài làm của bạn.  - GV cho học sinh đọc bài tập 9 và phân tích đề bài.  - GV bài toán có thể phát biểu gọn như thế nào?  - GV để giải bài tập này em vận dụng kiến thức nào đã học.  Yêu cầu học sinh hoạt động nhóm  - GV cho các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét | - HS đứng tại chỗ đọc đề bài  - HS: Tóm tắt  HS: 3 lớp trồng 24 cây xanh  7A: 32 HS  7B: 28 HS  7C: 36 HS  Hỏi số cây mỗi lớp phải trồng?  - HS: Gọi x,y,z lần lượt là số cây mà mỗi lớp phải trồng  Theo bài toán ta có:  và x+y+z=24  - HS: Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau  - HS lên bảng làm  - HS lắng nghe, ghi chép.  - HS: chia 150 thành ba phần tỉ lệ với 3; 4; 13.  - HS thảo luận nhóm: đại diện một nhóm bảng trình bày  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, ghi chép | **Bài 8 (SGK)**  Gọi x,y,z lần lượt là số cây mà mỗi lớp phải trồng  Theo bài toán ta có:  và x+y+z=24  Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau.            Vậy lớp 7A trồng 8 cây, 7B trồng 7 cây, 7C trồng 9 cây.  **Bài 9 (SGK)**  Gọi khối lượng (kg) của niken, kẽm và đồng lần lượt là: x, y, z. Ta có:  và  Áp dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau:            Vậy khối lượng của niken, kẽm và đồng lần lượt là 7,5; 30 và 97,5. |
| **D. Hoạt động vận dụng ( 7 phút)**  ***Mục tiêu:*** Biết vận dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau để làm các bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch  ***Phương pháp***: Thuyết trình, vấn đáp | | |
| - GV yêu cầu HS đọc đề và hoạt động cá nhân  - Công thức tính chu vi của tam giác  - Cho HS trình bày bài làm, nhận xét  - Nếu không còn thời gian thì giao bài tập về nhà hoàn thành | - HS đọc đề  - Chu vi của một tam giác bằng tổng 3 cạnh của một tam giác đó.  - HS hoạt động cá nhân  - HS lên bảng làm bài  Gọi x, y, z lần lượt là độ dài 3 cạnh của tam giác. Theo đề bài ta có:    Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau        Vậy 3 cạnh của tam giác là 10; 15; 20.  - Từng cặp đôi kiểm tra chéo bài làm. Báo cáo GV | **Bài 10 (SGK)** |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( 2 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà biết các dạng toán khác về đại lượng tỉ lệ nghịch  ***Phương pháp***: Ghi chép | | |
| - Bài tâp về nhà: 13,14,15, 17 – SBT  - Chuẩn bị bài: Đại lượng tỉ lệ nghịch | - Cá nhân HS thực hiện yêu cầu của GV, thảo luận cặp đôi để chia sẽ góp ý (trên lớp – về nhà) |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 26: Đại lượng tỉ lệ nghịch**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

1. **Kiến thức:**

**-** Học sinh biết được công thức biểu diễn đại lượng tỉ lệ nghich.

- Hiểu được tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch.

**2. Kỹ năng:**

**-** Học sinh nhận biết hai đại lượng có tỉ lệ nghịch hay không.

- Biết tìm hệ số của tỉ lệ nghịch, tìm một giá trị của đại lượng khi biết hệ số của tỉ lệ nghịch và giá trị tương ứng của đại lượng kia.

**3. Thái độ:**

Giúp học sinh có ý thức cẩn thận khi nhận biết hai đại lượng có tỉ lệ nghịch hay không.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( 5 phút)**  ***Mục tiêu:*** Nhớ các khái niệm về hai đại lượng tỉ lệ thuận ở tiểu học và các công thức tính diện tích hình chữ nhật, quãng đường,…  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, trực quan. | | |
| Y/c hoạt động cá nhân, thực hiện các câu hỏi sau:  + Nhắc lại kiến thức về hai đại lượng tỉ lệ nghịch đã học ở tiểu học.  + Nêu công thức tính diện tích hình chữ nhật có chiều dài là x(cm) chiều rộng là y(cm), công thức tính quãng đường của vật chuyển động đều với vận tốc v(km/h) và thời gian t(h).   * GV: Từ các công thức trên có thể mô tả hai đại lượng tỉ lệ nghịch theo công thức công thức tổng quát nào * Gv giới thiệu tiết học:   “Đại lượng tỉ lệ nghịch” | * HS hoạt động cá nhân, lắng nghe và ghi chép (nếu cần)   + Hai đại lượng tỉ lệ nghịch là hai đại lượng liên hệ với nhau sao cho khi đại lượng này tăng hoặc giảm bao nhiêu lần thì đại lượng kia giảm hoặc tăng bấy nhiêu lần.  + Diện tích hình chữ nhật:    Quãng đường của vật chuyển động:   * HS lấy sách vở, bút ghi chép bài. |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động 1: Định nghĩa ( 12 phút)**  ***Mục tiêu***: Nắm được công thức về hai đại lượng tỉ lệ nghịch  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp | | |
| Y/c HS hoạt động cặp đôi và trả các câu hỏi ở bài ?1.   * GV gọi HS trả lời * GV: Em hãy rút ra nhận xét về sự giống nhau của các công thức trên? * GV giới thiệu định nghĩa bằng bẳng phụ. * GV nhấn mạnh: công thức hay và lưu ý cho HS: Khái niệm tỉ lệ nghịch đã học ở tiểu học là một trường hợp riêng của định nghĩa với * GV cho HS củng cố bằng bài ?2. * Trường hợp tổng quát: Nếu y tỉ lệ nghich với x theo hệ số tỉ lệ a thì x tỉ lệ nghịch với y theo hệ số tỉ lệ nào? * - GV nhận xét: Khi x tỉ lệ nghich với y thì y cũng tỉ lệ nghịch với x và ta nói hai đại lượng đó tỉ lệ nghịch với nhau.   - GV cho HS đọc chú ý SGK | * HS hoạt động cặp đôi thảo luận. * HS trả lời:   a)    b)  c)     * HS: Các công thức trên có điểm giống nhau là đại lượng này bằng một hằng số chia cho đại lượng kia. * HS đọc định nghĩa và ghi vào vở. * HS ghi nhớ * HS hoạt động cá nhân      * HS: x tỉ lệ nghịch với y cũng theo hệ số tỉ lệ a. | 1. **Định nghĩa**   Nếu đại lượng y liên hệ với đại lượng x theo công thức hay (a là hằng số khác 0) thì ta nói y tỉ lệ nghịch với x theo hệ số tỉ lệ a. |
| **Hoạt động 2: Tính chất (15 phút)**  **Mục tiêu:** Nắm được các tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch  **Phương pháp:** Thuyết trình, luyện tập thực hành, vấn đáp. | | |
| - GV cho học sinh làm bài ?3.  (bảng phụ).  - Gọi HS lên bảng làm  - Cho HS nhận xét  - GV giới thiệu hai tính chất  - GV: Em hãy so sánh với hai tính chất của đại lượng tỉ lệ thuận. | - HS đọc đề tìm hiểu thông tin, chia sẽ với cặp đôi  - HS trả lời các câu hỏi  a)  b)  c)  = 60 (= hệ số tỉ lệ)   * HS lắng nghe và ghi vào vở   - HS: Hai đại lượng tỉ lệ thuận:  TC1: Tỉ số hai giá trị tương ứng luôn không đổi  Hai đại lượng tỉ lệ nghịch: TC1: Tích hai giá trị tương ứng luôn không đối  Hai đại lượng tỉ lệ thuận: Tỉ số hai giá trị bất kì của đại lượng này bằng tỉ số hai giá trị tương ứng của đại lượng kia  Hai đại lượng tỉ lệ nghịch: Tỉ số hai giá trị bất kì của đại lượng này bằng nghịch đảo tỉ số hai giá trị tương ứng của đại lượng kia. | 1. **Tính chất**   Nếu hai đại lượng tỉ lệ nghịch với nhau thì :   * Tích hai giá trị tương ứng của chúng luôn không đổi (bằng hệ số tỉ lệ) * Tỉ số hai giá trị bất kì của đại lượng này bằng nghịch đảo của ti số hai giá trị tương ứng của đại lượng kia. |
| **C. Hoạt động luyện tập (7 phút)**  **Mục đích:** Biết tìm hệ số của tỉ lệ nghịch, tìm một giá trị của đại lượng khi biết hệ số của tỉ lệ nghịch và giá trị tương ứng của đại lượng kia.  **Phương pháp:** Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp | | |
| - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm  - GV cử đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả bài làm, nhẫn xét đánh giá  - GV nhận xét | - HS làm việc nhóm  - HS trình bày lên bảng | **Bài 12 (SGK)**  a)  b)  c) |
| **D. Hoạt động vận dụng ( 4 phút)**  ***Mục tiêu:*** Biết vận dụng định nghĩa và tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch để giải bài tập  ***Phương pháp***: Thuyết trình, vấn đáp | | |
| - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân  - Gọi HS lên bảng trình bày bài làm  -Cho HS nhận xét đánh giá  - GV nhận xét | - HS làm việc cá nhân  - HS trình bày bài làm của mình  - HS nhận xét | Bài 13 (SGK) |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( 1 phút)**  ***Mục tiêu:*** Khuyến khích các học sinh tìm tòi các dạng bài tập về đại lượng tỉ lệ nghịch. Chủ động làm các bài tập được giao  ***Phương pháp***: Ghi chép | | |
| - Ra bài tập: 14; 15 SGK  - Chuẩn bị bài toán 1, 2 SGK | - Cá nhân HS thực hiện yêu cầu của GV, thảo luận cặp đôi để chia sẽ góp ý (trên lớp – về nhà) |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 27: Một số bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

1. **Kiến thức:**

Học sinh củng cố khắc sâu định nghĩa và tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch.

1. **Kỹ năng:**

Học sinh biết cách giải các bài toán cơ bản về đại lượng tỉ lệ nghịch.

1. **Thái độ:**

Giáo dục tính cẩn thận cho học sinh khi làm bài.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( 7 phút)**  ***Mục tiêu:*** Nhớ các khái niệm về hai đại lượng và tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, trực quan. | | |
| - GV treo bảng bài tập  - Gọi HS đọc đề  -GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân và trả lời các câu hỏi sau:  - Cùng một công việc thì giữa số công nhân và số ngày làm là hai đại lượng quan hệ như thế nào?  - Từ đó ta có tỉ lệ thức nào?  - Gọi HS lên bảng trình bày  - GV nhận xét đánh giá  - GV dẫn dắt vào bài: Qua bài toán trên ta thấy rằng có thể vận dụng tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch để giải các bài toán thực tế về đại lượng tỉ lệ nghịch. Vậy bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch có các dạng nào, chúng ta sẽ cùng tìm hiểu các bài toán sau. | - HS quan sát, tìm hiểu đề bài  - HS đọc đề bài  - Vì năng suất làm việc của mỗi công nhân là như nhau, số công nhân tỉ lệ nghịch với số ngày xây xong nhà.  -  - HS lên bảng làm  - HS lắng nghe | **Bài tập:**  Cho biết 35 công nhân xây một ngôi nhà hết 168 ngày. Hỏi 28 công nhân xây ngôi nhà đó hết bao nhiêu ngày? (Giả sử năng suất làm việc của mỗi công nhân là như nhau)  Giải  Vì năng suất làm việc của mỗi công nhân là như nhau, nên để xây cùng một ngôi nhà, số công nhân tỉ lệ nghịch với số ngày xây xong nhà.  Gọi x là số ngày 28 công nhân xây xong nhà.  Theo tính chất của đại lượng tỉ lệ nghịch ta có:    Vậy 28 công nhân xây xong ngôi nhà đó hết 210 ngày. |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức. (12 phút)**  ***Mục tiêu***: Nắm được công thức về hai đại lượng tỉ lệ nghịch  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp | | |
| - Trước hết ta tìm hiểu bài toán về quãng đường  - Yêu cầu HS đọc bài  - GV hướng dẫn cho học sinh tìm ra cách giải.  + Bài toán này hai đại lượng nào là hai đại lượng tỉ lệ nghịch?  + Nếu gọi vận tốc cũ và mới lần lượt là V1 và V2 (km/h)  Thời gian tương ứng là t1 và t2 (h)  Hãy tóm tắt đề bài và lập tỉ lệ thức.  - GV yêu cầu học sinh tìm  ?  GV nhấn mạnh : Vì V và t là hai đại lượng tỉ lệ nghịch nên tỉ số hai giá trị bất kì của đại lượng này bằng nghịch đảo tỉ số hai giá trị tương ứng của đại lượng kia.  - GV thay các giá trị đã cho tương ứng để tính  - Gọi HS lên bảng thực hiện tính  - Dưới lớp làm xong đổi vở, kiểm tra theo cặp đôi (hoặc vòng tròn)  - Gọi HS nhận xét bài làm  - GV: Ngoài ra ta có thể vận dụng tính chất 1 để giải. | - HS đọc đề bài.  - HS: Vận tốc và thời gian là hai đại lượng tỉ lệ nghịch.  Với V1  V2    - HS: Thu thập thông tin.    - HS lên bảng trình bày  - HS nhận xét  - HS: theo tính chất 1 ta có: | **Bài toán 1:**  Vì vận tốc và thời gian là hai đại lượng tỉ lệ nghịch nên:      Vậy với vận tốc mới thì ô tô đi từ A đến B là 5 giờ. |
| **C. Hoạt động luyện tập ( 17 phút)**  **Mục đích:** Kiểm tra hai đai lượng đã cho có tỉ lệ nghịch với nhau hay không, nhớ lại định nghĩa và tính chất về hai đại lượng tỉ lệ nghịch  **Phương pháp:** Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp | | |
| - GV: Yêu cầu HS làm bài tập 16 tr 60 SGK.  -Để kiểm tra 2 đại lượng có tỉ lệ nghịch với nhau hay không ta làm thế nào?  - Hai đai lượng đã cho ở câu a), câu b) có tỉ lệ nghịch không?  - GV: Yêu cầu HS tìm hệ số tỉ lệ  - Gọi HS lên bảng điền  - GV: Yêu cầu HS tiến hành hoạt động theo nhóm  - GV cử đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày các nhóm khác quan sát nhận xét  - GV nhận xét | - Cá nhân HS tự đọc thông tin  - Từng cặp đôi chia sẽ thông tin tìm hiểu.  - HS: Để kiểm tra hai đại lượng tỉ lệ nghịch với nhau hay không ta có thể dùng tính chất 1 để kiểm tra. Nếu tích các giá trị tương ứng luôn không đổi thì hai đại lượng tỉ lệ nghịch  - Gọi HS trả lời  a) Hai đại lượng tỉ lệ nghịch vì  1.120=2.60=4.30=5.24=8.15  b)Hai đại lượng không tỉ lệ nghịch vì 5.12,56.10  - HS: Tìm hệ số tỉ lệ  a = 10.1,6 = 16  - HS: Thực hiện   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | x | 1 |  |  |  | -8 | 10 | | y |  | 8 | -4 |  |  | 1,6 |   - HS: Tiến hành hoạt động theo nhóm  - Đại diện nhóm lên bảng trình bày  Gọi x (h) là thời gian 12 người làm xong công việc   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Người | 3 | 12 | | Thời gian | 6 | x(h) |   Cùng một công việc như nhau, số người và thời gian hoàn thành là hai đại lượng tỉ lệ nghịch  3.6 = 12.x  x =  Vậy 12 người hoàn thành công việc trong 1,5 ngày  - HS lắng nghe | **Bài tập 16 tr 60 SGK**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | *x* | *1* | *2* | *4* | *5* | *8* | | *y* | *120* | *60* | *30* | *24* | *15* |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | *x* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | | *y* | *30* | *20* | *15* | *12,5* | *10* |   **Bài tập 17 tr 61 SGK**  **Bài tập 18 tr 61 SGK**  3 người là hết 6 giờ  12 người làm hết ? giờ |
| **D. Hoạt động vận dụng ( 7 phút)**  ***Mục tiêu:*** Vận dụng tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch để giải các bài toán thực tế  ***Phương pháp***: Thuyết trình, vấn đáp | | |
| - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân  - GV:Trong bài toán có các đại lượng nào?  - GV: Nếu ta gọi a là giá tiền một mét vải loại I thì giá tiền 1 mét vải loại II là bao nhiêu?  - GV: Cùng một số tiền, giá tiền và số mét vải mua được có mối liên hệ với nhau như thế nào? | HS: Trong bài toán có đại lượng là giá tiền và số mét vải mua được  HS: Giá tiền một mét vải loại II sẽ là: 85%.a   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Giá tiền | a | 85%.a | | Số vải mua được | 51 | x |   Cùng một số tiền, giá tiền và số mét vải mua được là hai đại lượng tỉ lệ nghịch.  Áp dụng tính chất hai đại lượng tỉ lệ nghịch, ta có:      Vậy số mét vải loại II mua được là 60m. | **Bài tập 19 tr 61 SGK** |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( 1 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà biết các dạng toán khác về đại lượng tỉ lệ nghịch  ***Phương pháp***: Ghi chép | | |
| - Bài tập về nhà: 22; 23 SGk  - Xem trước bài toán 2 về đại lượng tỉ lệ nghịch. | - Cá nhân HS thực hiện yêu cầu của GV, thảo luận cặp đôi để chia sẽ góp ý (trên lớp – về nhà) |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ngày soạn: …………… | Ngày dạy: ……………… | Lớp: ……….. Tiết: ……. |

**Tiết 28: Một số bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch (tt)**

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

1. **Kiến thức:**

Học sinh củng cố khắc sâu định nghĩa và tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch.

1. **Kỹ năng:**

Học sinh biết cách giải các bài toán cơ bản về đại lượng tỉ lệ nghịch.

1. **Thái độ:**

Giáo dục tính cẩn thận cho học sinh khi làm bài.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( 5 phút)**  ***Mục tiêu:*** Nhớ các khái niệm về hai đại lượng tỉ lệ thuận ở tiểu học và các công thức tính diện tích hình chữ nhật, quãng đường,…  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, trực quan. | | |
| - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân  - Cho HS tóm tắt bài toán  - Số người và thời gian hoàn thành công việc có mối liên hệ với nhau như thế nào?  - Gọi HS lên bảng thực hiện  - GV nhận xét | - HS đọc đề chia sẽ thông tin với cặp đôi (hoặc vòng tròn)  - HS tóm tắt   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Người | 20 | 40 | | Thời gian | 6 | x(ngày) |   - HS: Cùng một công việc như nhau, số người và thời gian hoàn thành công việc là hai đại lượng tỉ lệ nghịch.  - HS lên bảng thực hiện  Áp dụng tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch, ta có:  20.6 = 40.x  x = 3  Vậy 40 người hoàn thành công việc trong 3 ngày. | **Bài toán:**  Cho biết 20 người xây xong một ngôi nhà hết 6 ngày. Hỏi 40 người xây xong ngôi nhà đó trong bao lâu?  Giải  Cùng một công việc như nhau, số người và thời gian hoàn thành công việc là hai đại lượng tỉ lệ nghịch.  Áp dụng tính chất của hai đại lượng tỉ lệ nghịch, ta có:  20.6 = 40.x  x = 3  Vậy 40 người hoàn thành công việc trong 3 ngày. |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức. ( 25 phút)**  ***Mục tiêu***: Biết cách giải một số dạng bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch trong thực tế  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp | | |
| - GV: Treo bảng phụ ghi đề  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân  - GVyêu cầu HS tóm tắt  - Gọi số máy của mỗi đội lần lượt là : x1,x2,x3,x4 (máy ) ta có điều gì ?  - Cùng 1 công việc như nhau giữa số máy cày và số ngày hoàn thành công việc quan hệ như thế nào ?  -Áp dụng tính chất 1 của 2 đại lượng tỉ lệ nghịch ta có các tích nào bằng nhau ?  -Biến đổi các tích bằng nhau này thành dãy tỉ số bằng nhau ?  - GV: Gợi ý :  - GV: Áp dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau để tìm các giá trị  - GV cho HS làm ?  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm, cử đại diện 1 nhóm trình bày trên bảng phụ  - Cho các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét | - HS đọc đề bài  - HS làm việc cá nhân chia sẽ thông tin cặp đôi (hoặc vòng tròn)  - HS:Bốn đội có 36 máy cày  Đội I : xong trong 4 ngày  Đội II :xong trong 6 ngày  Đội III : xong trong 10 ngày  Đội IV : xong trong 12 ngày  Hỏi mỗi đội có ? máy.  - HS:  - HS: Cùng 1 công việc như nhau giữa số máy cày và số ngày hoàn thành công việc tỉ lệ nghịch với nhau  - HS:  - HS:  - HS lắng nghe  - HS:  - HS tìm hiểu đề  - HS lên bảng trình bày bằng bảng phụ, thuyết trình ý kiến  a)x và y tỉ lệ nghịch  y và z tỉ lệ nghịch  có dạng  () .  Vậy x tỉ lệ thuận với z  b) x và y tỉ lệ nghịch  y và z tỉ lệ thuận    Có dạng  ( )  Vậy x và z tỉ lệ nghịch  - Các nhóm khác chú ý lắng nghe đưa ra nhận xét. | **Bài toán 2 (SGK)**  Gọi số máy của mỗi đội lần lượt là : x1,x2,x3,x4  Ta có:  Vì số máy tỉ lệ nghịch với số ngày hoàn thành công việc nên ta có:    Hay  Theo tính chất của dãy tỉ số bằng nhau, ta có:    Vậy        Số máy của bốn đội lần lượt là 15, 10, 6, 5. |
| **C. Hoạt động luyện tập ( 8 phút)**  **Mục đích:** Rèn luyện thành thạo kỹ năng giải các bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch.  **Phương pháp:** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận. | | |
| - Yêu cầu HS làm việc cá nhân làm bài vào vở.  - Gọi HS lên bảng thực hiện tính.  - Dưới lớp xong đổi vở, kiểm tra theo cặp đôi, báo cáo nhóm trưởng, báo cáo giáo viên  - Gọi HS nhận xét  -Nhận xét đánh giá | - HS làm việc cá nhân làm bài vào vở  - HS lên bảng thực hiện tính  - Dưới lớp xong đổi vở, kiểm tra theo cặp đôi, báo cáo nhóm trưởng, báo cáo giáo viên.  - HS nhận xét | **Bài tập 21 (SGK)**  Gọi x,y,z lần lượt là số máy của đội I, đội II, đội III.  Cùng một công việc như nhau, số mày và thời gian hoàn thành công việc là hai đại lượng tỉ lệ nghịch.  Ap dụng tính chất của đại lượng tỉ lệ nghịch ta có:  x.4 = y.6 = z.8    Vậy:  Trả lời: Số máy của ba đội theo thứ tự là 6,4, 3 máy. |
| **D. Hoạt động vận dụng ( 5 phút)**  ***Mục tiêu:*** Biết giải nhiều hơn các dạng toán thực tế các bài toán về đaị lượng tỉ lệ nghịch  ***Phương pháp***: Thuyết trình, vấn đáp | | |
| - Yêu cầu HS làm cá nhân  - Cho HS trình bày kết quả bài làm, nhận xét đánh giá  - Nếu không còn thời gian thì giao cho HS về nhà hoàn thành bài làm | - HS đọc bài  - Lên bảng trình bày kết quả  - HS nhận xét | **Bài 22 (SGK)** |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( 1 phút)**  ***Mục tiêu:*** Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà biết các dạng toán khác về đại lượng tỉ lệ nghịch  ***Phương pháp***: Ghi chép | | |
| - Bài tập về nhà: 25, 26, 27 SBT | - Cá nhân HS thực hiện yêu cầu của GV, thảo luận cặp đôi để chia sẽ góp ý (trên lớp – về nhà) |  |